

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

11/7

D71.109

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22TTB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....11...../.....07...../2023.

Phòng thi: D71.109.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	110122107	Hồ Hoàng Long	28/11/2003	Nam	7,7	4,4	6,1	001	Long		
2	110122109	Nguyễn Minh Luân	01/01/2003	Nam	5,7	4,6	5,2	002	Luân		
3	110122113	Phạm Minh Mẫn	23/11/2003	Nam	7,7	3,0	5,4	003	Mẫn		
4	110122115	Thạch Nhựt Minh	13/12/2004	Nam	7,5	3,6	5,6	004	Minh		
5	110122116	Lâm Văn Na	01/01/2003	Nam	7,0	4,0	5,5	005	Na		
6	110122117	Nguyễn Thành Nam	01/10/2004	Nam	6,0	3,6	4,8	006	Nam		
7	110122118	Thái Quý Nam	28/01/2004	Nam	7,2	4,0	5,6	007	Quý		
8	110122119	Võ Nhật Duy Nam	11/11/2004	Nam	6,9	4,4	5,7	008	Duy		
9	110122123	Lưu Bích Ngọc	29/08/2004	Nữ	7,0	3,2	5,1	009	Ngọc		
10	110122125	Nguyễn Hoàng Đạt	25/02/2004	Nam	—	—	—	—	—		Vắng
11	110122126	Trần Khôi Nguyên	27/01/2004	Nam	4,9	4,6	4,8	011	Khôi		
12	110122127	Trương Nguyễn Tố	13/01/2004	Nữ	7,0	6,4	6,7	012	Tố		
13	110122128	Thạch Nhanh	17/11/2004	Nam	7,3	4,0	5,7	013	Nhanh		
14	110122130	Phạm Minh Nhật	28/06/2004	Nam	7,5	5,4	6,5	014	Minh		
15	110122133	Trần Thị Yến Nhi	26/02/2004	Nữ	7,3	4,4	5,9	015	Yến		
16	110122134	Võ Minh Nhựt	25/06/2004	Nam	9,5	—	—	—	—		Vắng
17	110122135	Nguyễn Duy Phát	03/11/2004	Nam	5,6	4,4	5,0	017	Duy		
18	110122136	Thạch Sô Phát	07/06/2000	Nam	7,3	5,4	6,4	018	Sô		
19	110122138	Thạch Sâm Sô	18/03/2004	Nam	5,3	5,2	5,3	019	Sâm		
20	110122140	Nguyễn Văn Phúc	08/11/2004	Nam	7,5	4,2	5,9	020	Văn		
21	110122141	Thạch Hoàng Phúc	16/01/2004	Nam	7,3	5,2	6,3	021	Hoàng		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Luân.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%.

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phạm Văn Sơn

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22TTB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

11/7/2023Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	110122142	Trần Trung Phúc	30/07/2004	Nam	7,3	3,8	5,6	001	<i>Phúc</i>		
2	110122143	Nguyễn Thị Thanh Phụng	28/08/2004	Nữ	7,1	4,4	5,8	002	<i>Phụng</i>		
3	110122144	Kiều Tấn Phước	18/08/2004	Nam	7,1	3,8	5,5	003	<i>Phước</i>		
4	110122145	Đinh Hoài Phương	24/10/2004	Nam	5,1	4,6	4,9	004	<i>Phương</i>		
5	110122146	Đinh Minh Phương	27/12/2002	Nam	7,1	3,8	5,5	005	<i>Thị</i>		
6	110122148	Nguyễn Quân	20/01/2004	Nam	5,1	—	—	—	—		
7	110122150	Cô Nhân Quý	04/12/2001	Nam	7,1	6,0	6,6	007	<i>Quý</i>		
8	110122151	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	24/02/2004	Nữ	5,1	—	—	—	—		
9	110122152	Nguyễn Khai Tâm	29/04/2004	Nam	6,4	4,6	5,5	009	<i>Tâm</i>		
10	110122154	Sơn Ngọc Tân	19/08/2004	Nam	6,4	5,0	5,7	010	<i>Tân</i>		
11	110122155	Nguyễn Sơn Tây	19/10/2004	Nam	6,4	5,0	5,7	011	<i>Tây</i>		
12	110122157	Huỳnh Quốc Thái	28/01/2004	Nam	6,4	3,2	4,8	012	<i>Thái</i>		
13	110122158	Lê Hữu Thắng	20/04/2004	Nam	6,4	2,2	4,3	013	<i>Thắng</i>		
14	110122159	Hà Dương Thành	06/08/2004	Nam	4,5	—	—	—	—		
15	110122223	Nguyễn Đình Nhật Huy	24/11/2004	Nam	7,5	4,2	5,9	015	<i>Huy</i>		
16	110122225	Huỳnh Khải	26/02/2004	Nam	7,7	5,2	6,5	016	<i>Khải</i>		
17	110122226	Huỳnh Minh Khan	10/09/2004	Nam	8,7	5,0	6,9	017	<i>Khan</i>		
18	110122227	Phan Đăng Khoa	30/07/2003	Nam	7,5	5,2	6,4	018	<i>Khoa</i>		
19	110122230	Nguyễn Thành Lợi	10/05/2004	Nam	—	—	—	—	—		
20	110122231	Hồ Lý Minh Lữ	14/10/2004	Nam	7,7	5,6	6,7	020	<i>Lữ</i>		
21	110122232	Thạch Minh	25/03/2003	Nam	5,0	—	—	—	—		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16Tổng số tờ: 16

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Kim Hân

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Sơn Sơn Lê

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22TTC

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
11 / 07 / 2023

Phòng thi: DT1 1.2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122180	Thạch Nhật Thượng	09/10/1999	Nam	6,4	44	5,4	018	<u>Đu</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Anh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 0%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 24 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Son Son La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22DT

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TV

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

11 / 7 / 2023

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115222003 ✓	Trần Quốc Khánh	30/07/2004	Nam	✓	✓	✓	✓	✓		
2	115222005 ✓	Võ Thanh Linh	21/10/2004	Nam	7,8	4,2	6,0	002	✓		
3	115222006	Trương Tấn Lộc	22/04/2004	Nam	7,8	3,2	5,5	003	✓		
4	115222007	Thạch Trần Khải Minh	05/10/2004	Nam	6,1	4,6	5,4	004	✓		
5	115222008	Nguyễn Hoài Phú	17/09/2004	Nam	8,1	✓	✓	✓	✓		
6	115222010	Phạm Minh Thứt	18/02/2004	Nam	8,4	3,6	6,0	006	✓		
7	115222013	Nguyễn Hải Đăng	23/06/2004	Nam	7,8	5,0	6,4	007	✓		
8	115222014 ✓	Chương Thái Bảo	20/06/2004	Nam	5,8	4,6	5,2	021	✓		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06

Tổng số tờ: 06

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Linh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Linh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22HH

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
11/7/2023

Phòng thi: D11.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112622001	Trần Từ Tố Duyên	15/04/2004	Nữ	8,7	4,2	6,5	008	<i>[Signature]</i>		
2	112622002	Thạch Thị Mỹ Lệ	26/03/2004	Nữ	6,7	6,4	6,6	009	<i>[Signature]</i>		
3	112622003	Phạm Thị Huế Trân	27/11/2004	Nữ	9,7	6,4	8,1	010	<i>[Signature]</i>		
4	112622004	Hà Tiểu Uyên	04/10/2004	Nữ	8,5	6,0	7,3	011	<i>[Signature]</i>		
5	112622005	Trần Thị Kiều An	18/08/2004	Nữ	6,7	4,2	5,5	012	<i>[Signature]</i>		
6	112622007	Trần Ngọc Dạng	11/06/2004	Nữ	8,7	4,8	6,8	013	<i>[Signature]</i>		
7	112622008	Nguyễn Thị Thanh Ngân	07/05/2004	Nữ	8,7	5,2	7,0	014	<i>[Signature]</i>		
8	112622010	Nguyễn Huỳnh Yến Vy	29/05/2004	Nữ	8,0	4,8	6,4	015	<i>[Signature]</i>		
9	112622011	Nguyễn Trần Nhã Ý	18/09/2004	Nữ	8,3	7,2	7,8	016	<i>[Signature]</i>		
10	112622012	Lê Văn Học	24/12/2003	Nam	9,7	6,4	8,1	022	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ: 10

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Thanh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: [Signature]

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22NNAB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
11 / 7 / 2023

Phòng thi: 071.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	110422033	Nguyễn Ngọc Tường Vy	29/07/2004	Nữ	8,5	5,4	7,0	017	<i>Nguyễn Ngọc Tường Vy</i>		
2	110422045	Trương Huỳnh Chúc	17/12/2004	Nữ	8,2	3,6	5,9	018	<i>Trương Huỳnh Chúc</i>		
3	110422061	Kim Ngọc Hiếu	18/10/2004	Nữ	8,2	4,0	6,1	019	<i>Kim Ngọc Hiếu</i>		
4	110422062	Huỳnh Thị Thanh Huệ	18/07/2004	Nữ	6,2	5,4	5,8	020	<i>Huỳnh Thị Thanh Huệ</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 04

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn T. Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (17 -)/DA21LDS

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....11...../07...../2023

Phòng thi: DT 11.2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi trọng SV	Gh chú
1	114121134	Lê Huỳnh Dũng	28/05/2003	Nam	5,8	4,0	4,9	001			
2	114121143	Nguyễn Văn Cảnh	17/07/2003	Nam	7,8	3,6	5,7	002			5,7 <i>đm</i>
3	114121196	Hoàng Như Ý	10/09/2003	Nữ	5,8	4,4	5,1	003			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Thiên

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 17 tháng 7 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Trần Ngọc ThiênCán bộ kiểm tra: Trần Ngọc ThiênNguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22HD

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
11 / 07 / 2023

Phòng thi: D71 112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118822001	Trương Thị Mỹ Hạnh	15/10/2004	Nữ	8,1	50	6,6	004	<u>[Signature]</u>		
2	118822002	Trương Đoàn Phương Nhi	10/09/2001	Nữ	7,6	48	6,2	005	<u>[Signature]</u>		
3	118822004	Trần Phước Thành	20/10/2004	Nam	5,6	48	5,2	006	<u>[Signature]</u>		
4	118822007	Phạm Nguyễn Văn Anh	11/08/2004	Nữ	7,6	38	5,7	007	<u>[Signature]</u>		
5	118822009	Nguyễn Ngọc Duyên	16/05/2004	Nữ	7,6	42	5,9	008	<u>[Signature]</u>		
6	118822011	Phạm Quốc Huy	17/12/2004	Nam	7,9	54	6,7	009	<u>[Signature]</u>		
7	118822015	Phạm Thị Yến Xuân	02/10/2004	Nữ	7,9	32	5,6	010	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: [Signature]

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: [Signature]

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22NNAA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Tóm tắt nghiên cứu

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....11...../.....07...../2023

Phòng thi: D71 11.2.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422005	Nguyễn Huy Hoàng	30/09/2004	Nam	8,2	4,0	6,1	011	<u>ĐH</u>		
2	110422009	Dương Ngọc Lâm	17/12/2004	Nam	9,0	7,4	8,2	012	<u>ĐH</u>		
3	110422011	Nguyễn Thị Kiều Linh	04/01/2004	Nữ	8,0	5,0	6,5	013	<u>ĐH</u>		
4	110422012	Phan Nhật Linh	27/10/2004	Nam	9,0	5,2	7,1	014	<u>ĐH</u>		
5	110422017	Nguyễn Thị Bích Ngọc	23/02/2004	Nữ	8,5	4,8	6,7	015	<u>ĐH</u>		
6	110422025	Đào Thị Anh Thư	15/11/2004	Nữ	8,2	3,8	6,0	016	<u>ĐH</u>		
7	110422028	Phạm Phương Trang	12/12/2004	Nữ	9,2	4,4	6,8	017	<u>ĐH</u>		
8	110422128	Từ Vĩnh Đạt	31/08/2004	Nam	6,0						

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Ngọc & Thiên

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...%

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Ngọc

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22QLTD

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: *Thực nghiệm*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
11/07/2023

Phòng thi: *D71.11.2*

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117822026	Trần Tấn Đạt	10/08/2003	Nam	<i>8,0</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>		
2	117822030	Phạm Bình Phát	03/04/2003	Nam	<i>8,0</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: *02*

Tổng số sv, hs dự đánh giá: *02*

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: *02*

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: *Đỗ Văn Đạt*

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: *50*%; Điểm KT: *50*%

Trà Vinh, Ngày *27* tháng *7* năm *2023*

Cán bộ ghi điểm: *Sơn Sơn La*

Cán bộ kiểm tra: *Nguyễn Thị Lành*